|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case tạo đơn đặt món |
| Tác nhân chính | Phục vụ |
| Mức | 2 |
| Tiền điều kiện | Phục vụ đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin đã thêm và quay lui lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống tạo đơn đặt món |
| Kích hoạt | Phục vụ đăng nhập và bấm vào chọn bàn |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách bàn 2. Phục vụ chọn bàn trống 3. Hệ thống hiển thị danh sách mặt hàng 4. Phục vụ chọn mặt hàng và bấm “Thêm vào đơn” 5. Hệ thống hiển thị chi tiết đơn đặt món 6. Phục vụ kiểm tra lại, chỉnh sửa số lượng và bấm “Thông báo” | |
| Ngoại lệ: | |

Kịch bản Use case tạo đơn đặt món

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case chỉnh sửa đơn đặt món |
| Tác nhân chính | Phục vụ |
| Mức | 2 |
| Tiền điều kiện | Phục vụ đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin đã thêm và quay lui lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống cập nhật đơn đặt món |
| Kích hoạt | Phục vụ đăng nhập và bấm vào chọn bàn |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách bàn 2. Phục vụ chọn bàn đang phục vụ 3. Hệ thống hiển thị đơn đặt món chưa được chế biến 4. Phục vụ điều chỉnh số lượng món, ghi chú 5. Phục vụ chọn xem hóa đơn 6. Hệ thống hiển thị món ăn đã/đang chế biến 7. Phục vụ chọn “Thêm món” 8. Hệ thống hiển thị danh sách mặt hàng 9. Phục vụ chọn mặt hàng và bấm “Thêm vào đơn” 10. Hệ thống hiển thị chi tiết đơn đặt món 11. Phục vụ kiểm tra lại, chỉnh sửa số lượng và bấm “Thông báo” | |
| Ngoại lệ: | |

Kịch bản Use case chỉnh sửa đơn đặt món

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case xem/cập nhật trạng thái đơn đặt món |
| Tác nhân chính | Nhân viên bếp |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Nhân viên bếp đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin đã thêm và quay lui lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt món |
| Kích hoạt | Nhân viên bếp đăng nhập vào hệ thống |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt món 2. Nhân viên bếp chọn 1 đơn đặt món 3. Nhân viên bếp chuyển trạng thái đơn đặt món (Đang chế biến/Đã chế biến) 4. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn đặt món 5. Hệ thống gửi thông báo tới phục vụ | |
| Ngoại lệ: | |

Kịch bản Use case Cập nhật trạng thái đơn đặt món

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case xác nhận thanh toán |
| Tác nhân chính | Thu ngân |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Thu ngân đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống cập nhật trạng thái của bàn |
| Kích hoạt | Thu ngân đăng nhập và bấm chọn bàn |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách bàn 2. Thu ngân chọn bàn đang phục vụ 3. Hệ thống hiển thị hóa đơn chi tiết 4. Thu ngân chọn xác nhận thanh toán 5. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận 6. Thu ngân bấm “Xác nhận” 7. Hệ thống chuyển trạng thái bàn về “Trống” | |
| Ngoại lệ:   1. Thu ngân bấm “Hủy”   1.1 Hệ thống đóng thông báo xác nhận | |

Kịch bản Use case xác nhận thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case tạo tài khoản |
| Tác nhân chính | Quản lý |
| Mức | 2 |
| Tiền điều kiện | Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống tạo tài khoản mới |
| Kích hoạt | Quản lý đăng nhập và bấm chọn quản lý tài khoản |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách tài khoản 2. Quản lý bấm chọn tạo tài khoản 3. Hệ thống hiển thị form tạo tài khoản 4. Quản lý điền thông tin 5. Quản lý bấm nút “Tạo” 6. Hệ thống tạo tài khoản mới | |
| Ngoại lệ:   1. Quản lý nhập thiếu thông tin    1. Hệ thống hiển thị thông báo nhắc nhở 2. Quản lý nhập mật khẩu quá ngắn   2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Mật khẩu phải lớn hơn 8 kí tự” | |

Kịch bản Use case tạo tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case chỉnh sửa tài khoản |
| Tác nhân chính | Quản lý |
| Mức | 2 |
| Tiền điều kiện | Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống cập nhật thông tin tài khoản |
| Kích hoạt | Quản lý đăng nhập và bấm chọn quản lý tài khoản |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách tài khoản 2. Quản lý chọn tài khoản muốn chỉnh sửa 3. Quản lý chọn “chỉnh sửa” 4. Hệ thống hiển thị form chỉnh sửa tài khoản 5. Quản lý điền thông tin mới 6. Quản lý bấm nút “Lưu” 7. Hệ thống cập nhật thông tin tài khoản | |
| Ngoại lệ:  1. Quản lý nhập thiếu thông tin  1.1 Hệ thống hiển thị thông báo nhắc nhở   1. Quản lý nhập mật khẩu quá ngắn   2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Mật khẩu phải lớn hơn 8 kí tự” | |

Kịch bản Use case chỉnh sửa tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Use case xóa tài khoản |
| Tác nhân chính | Quản lý |
| Mức | 2 |
| Tiền điều kiện | Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đàm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống xóa tài khoản |
| Kích hoạt | Quản lý đăng nhập và bấm chọn quản lý tài khoản |
| Chuỗi sự kiện chính:   1. Hệ thống hiển thị danh sách tài khoản 2. Quản lý chọn tài khoản muốn xóa 3. Quản lý chọn “Xóa” 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận 5. Quản lý bấm “Xác nhận” 6. Hệ thống xóa tài khoản | |
| Ngoại lệ:   1. Quản lý chọn “Hủy”   1.1 Hệ thống đóng thông báo xác nhận | |

Kịch bản Use case xóa tài khoản